

PHỤ LỤC 2: SO SÁNH HỘ KINH DOANH VÀ DOANH NGHIỆP

Bảng A.1. Sự thay đổi về đối tượng đăng ký thành lập hộ kinh doanh theo các Nghị định

Văn bản	Đối tượng được quyền	Đối tượng không được quyền	Đối tượng không phải đăng ký
Nghị định số 66/HĐBT	- Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có vốn, có sức khỏe, có kỹ thuật, chuyên môn, có địa điểm kinh doanh phù hợp với ngành nghề và mặt hàng kinh doanh, không bị pháp luật cấm kinh doanh.		- Các hộ chuyên sản xuất nông - lâm - ngư - diêm nghiệp có tính chất tự sản, tự tiêu. - Những người bán hàng rong, quà vật và làm nghề dịch vụ có thu nhập thấp và những hộ làm kinh tế gia đình theo Nghị định số 29-HĐBT (09/03/1988).
Nghị định số 02/2000/NĐ-CP	- Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; các hộ gia đình.	- Những người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề.	- Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vật, làm dịch vụ có thu nhập thấp.
Nghị Định số 88/2006/NĐ-CP	- Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ; các hộ gia đình.		- Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vật, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề có điều kiện.
Nghị định số 78/2015/NĐ-CP	- Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ; các hộ gia đình.		- Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vật, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, làm dịch vụ có thu nhập thấp, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề có điều kiện
Nghị định số 01/2021/NĐ-CP	- Công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự có quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định.	- Người chưa thành niên, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi	- Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vật, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp,

PHỤ LỤC 2: SO SÁNH HỘ KINH DOANH VÀ DOANH NGHIỆP

Bảng A.1. Sự thay đổi về đối tượng đăng ký thành lập hộ kinh doanh theo các Nghị định

Văn bản	Đối tượng được quyền	Đối tượng không được quyền	Đối tượng không phải đăng ký
		- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.	trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Bảng 2.2. Sự thay đổi về hồ sơ đề nghị đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh theo các Nghị định

Tên Nghị định	Hồ sơ đề nghị đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh
<i>Nghị định số 66/HĐBT</i>	(1) Đơn xin phép kinh doanh (2) Chứng chỉ hành nghề đối với những ngành nghề phải theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành (Điểm 2, Điều 5 Nghị định này) (3) Đối với nhóm kinh doanh, ngoài đơn xin phép kinh doanh, phải gửi kèm theo bản thoả thuận giữa các cá nhân tham gia kinh doanh.
<i>Nghị định số 02/2000/NĐ-CP</i>	(1) Đơn đăng ký kinh doanh (2) Bản sao Chứng chỉ hành nghề của cá nhân hoặc đại diện hộ gia đình đối với những ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề theo luật, pháp lệnh, Nghị định quy định.
<i>Nghị Định số 88/2006/NĐ-CP</i>	(1) Đơn đăng ký kinh doanh (2) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình (3) Bản sao Chứng chỉ hành nghề của cá nhân hoặc đại diện hộ gia đình đối với những ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề (4) Bản sao hợp lệ văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với những ngành, nghề phải có vốn pháp định.

Tên Nghị định	Hồ sơ đề nghị đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh
Nghị định số 78/2015/NĐ-CP	(1) Giấy đề nghị thành lập hộ kinh doanh (2) Bản sao hợp lệ Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực của cá nhân chủ doanh nghiệp/ các cá nhân tham gia hộ kinh doanh hoặc người đại diện hộ gia đình. (3) Bản sao hợp lệ biên bản họp nhóm cá nhân về việc thành lập hộ kinh doanh với hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân thành lập.
Nghị định số 01/2021/NĐ-CP	(1) Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh (2) Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (3) Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc thành lập hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (hộ do 1 nhóm thành lập) (4) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh. (hộ do 1 nhóm thành lập)

Nguồn: Tổng hợp của nhóm soạn thảo

Bảng A.2. Khác biệt trong thành lập, đăng ký kinh doanh giữa hộ kinh doanh và các loại hình doanh nghiệp

Tiêu chí	Hộ kinh doanh	DN tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1TV	Công ty TNHH 2 TV trở lên	Công ty cổ phần
<i>Tư cách pháp nhân</i>	Không	Không	Có	Có	Có	Có
<i>Trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp</i>	- Không phân định trách nhiệm hộ và chủ hộ. - Chủ hộ chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ	- Không phân định trách nhiệm của doanh nghiệp và chủ doanh nghiệp. - Chủ doanh nghiệp chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.	- Các thành viên hợp danh chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty. - Các thành viên hợp danh chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty.	- Phân định rõ trách nhiệm của công ty và thành viên (công ty là pháp nhân độc lập với thành viên). - Chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.	- Phân định rõ trách nhiệm của công ty và thành viên (công ty là pháp nhân độc lập với các thành viên). - Các thành viên chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.	- Phân định rõ trách nhiệm của công ty và các cổ đông (công ty là pháp nhân độc lập với các cổ đông). - Các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.
<i>Số lượng thành viên/cổ đông</i>		Chỉ có 1 chủ		Chỉ có 1 thành viên (tổ chức hoặc cá nhân)	02- 50 thành viên (tổ chức, cá nhân)	Tối thiểu 03 cổ đông, không giới hạn số lượng cổ đông tối đa
<i>Đăng ký kinh doanh/ doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện</i>	- Chỉ được đăng ký một hộ kinh doanh trong phạm vi toàn quốc.	- Có quyền thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài.	- Có quyền thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài.	- Có quyền thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài.	- Có quyền thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài.	- Có quyền thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài.

Tiêu chí	Hộ kinh doanh	DN tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1TV	Công ty TNHH 2 TV trở lên	Công ty cổ phần
tại một địa điểm hoặc tại nhiều địa điểm trong và ngoài nước	- Có thể mở nhiều địa điểm kinh doanh tại các địa phương khác nhau, nhưng phải chọn một địa điểm để đăng ký trụ sở hộ kinh doanh. (trước NĐ 01/2021/NĐ-CP thì chỉ được 1 địa điểm)	- Có thể đặt một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới đơn vị hành chính.	- Có thể đặt một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới đơn vị hành chính.	- Có thể đặt một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới đơn vị hành chính.	- Có thể đặt một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới đơn vị hành chính.	- Có thể đặt một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới đơn vị hành chính.
Số lượng lao động được sử dụng	Không bị hạn chế (dưới 10 người từ 01/7/2006-01/01/2021)	Không bị hạn chế	Không bị hạn chế	Không bị hạn chế	Không bị hạn chế	Không bị hạn chế
Hồ sơ đăng ký	1. Giấy đề nghị ĐK 2. Giấy tờ pháp lý của cá nhân chủ hộ/thành viên hộ gia đình 3. Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình. 4. Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh.	1. Giấy đề nghị ĐK 2. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân.	1. Giấy đề nghị ĐK 2. Điều lệ công ty 3. DS thành viên 4. Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên 5. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư.	1. Giấy đề nghị ĐK 2. Điều lệ công ty 3. DS thành viên 4. Bản sao: - Giấy tờ pháp lý của cá nhân/tổ chức - Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền - Bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức được hợp pháp hóa lãnh sự với thành	1. Giấy đề nghị ĐK 2. Điều lệ công ty 3. DS thành viên 4. Bản sao: - Giấy tờ pháp lý của cá nhân/tổ chức - Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền - Bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức được hợp pháp hóa lãnh sự với thành	1. Giấy đề nghị ĐK 2. Điều lệ công ty 3. DS cổ đông sáng lập; DS cổ đông nhà đầu tư nước ngoài 4. Bản sao: - Giấy tờ pháp lý của cá nhân/tổ chức - Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền - Bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức được hợp pháp hóa

Tiêu chí	Hộ kinh doanh	DN tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1TV	Công ty TNHH 2 TV trở lên	Công ty cổ phần
				viên là tổ chức nước ngoài - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài.	viên là tổ chức nước ngoài - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài.	lãnh sự với cổ đông là tổ chức nước ngoài - Giấy chứng nhận ĐK đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài.
Nơi đăng ký kinh doanh	- Đăng ký trực tiếp ở Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt trụ sở hộ kinh doanh/Qua mạng thông tin điện tử.	- Đăng ký trực tiếp ở Phòng Đăng ký kinh doanh (Sở KH&ĐT) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính/Qua dịch vụ bưu chính/Qua mạng thông tin điện tử.	- Đăng ký trực tiếp ở Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính/Qua dịch vụ bưu chính/Qua mạng thông tin điện tử.	- Đăng ký trực tiếp ở Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính/Qua dịch vụ bưu chính/Qua mạng thông tin điện tử.	- Đăng ký trực tiếp ở Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính/Qua dịch vụ bưu chính/Qua mạng thông tin điện tử.	- Đăng ký trực tiếp ở Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính/Qua dịch vụ bưu chính/Qua mạng thông tin điện tử.

Bảng A.3. Khác biệt trong hoạt động về vốn giữa hộ kinh doanh và các loại hình doanh nghiệp

Tiêu chí	Hộ kinh doanh	DN tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1TV	Công ty TNHH 2 TV trở lên	Công ty cổ phần
<i>Giới hạn đối tượng tham gia</i>	- Chủ hộ kinh doanh chỉ được làm chủ một hộ kinh doanh. - Không được làm thành viên hợp danh của công ty hợp danh trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại.	- Chủ doanh nghiệp chỉ được làm chủ của một DN tư nhân. - Không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên hợp danh của công ty hợp danh.	- Thành viên hợp danh không được làm chủ DN tư nhân. - Không được làm thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại.			
<i>Góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp trong doanh nghiệp</i>	- Hộ kinh doanh không được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong doanh nghiệp (chỉ được quyền thực hiện với tư cách cá nhân).	- DNTN không được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty TNHH hoặc công ty cổ phần (chỉ được quyền thực hiện với tư cách cá nhân).	- Không bị hạn chế trong việc góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty TNHH, công ty cổ phần khác.	- Không bị hạn chế trong việc góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty TNHH, công ty cổ phần khác.	- Không bị hạn chế trong việc góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty TNHH, công ty cổ phần khác.	- Không bị hạn chế trong việc góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty TNHH, công ty cổ phần khác.

Tiêu chí	Hộ kinh doanh	DN tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1TV	Công ty TNHH 2 TV trở lên	Công ty cổ phần
<i>Phương thức huy động vốn</i>	- Vay vốn từ ngân hàng với tư cách cá nhân hoặc người khác (thông thường cũng chỉ từ các thành viên gia đình, bạn bè, người thân khác). - Không thể huy động vốn góp (dưới hình thức phần góp vốn hoặc cổ phần).	- Vay vốn từ ngân hàng với tư cách cá nhân hoặc người khác (thông thường cũng chỉ từ các thành viên gia đình, bạn bè, người thân khác). - Không thể huy động vốn góp (dưới hình thức phần góp vốn hoặc cổ phần).	- Vay vốn từ ngân hàng hoặc từ các chủ nợ khác - Kết nạp thêm thành viên hợp danh hoặc góp vốn. - Huy động thêm vốn góp từ các thành viên hợp danh và/hoặc thành viên góp vốn.	- Vay vốn từ ngân hàng hoặc từ các chủ nợ khác - Phát hành trái phiếu. - Kết nạp thêm thành viên mới (tuy nhiên phải chuyển đổi loại hình DN) - Không được phát hành bất cứ loại chứng khoán nào ra công chúng.	- Vay vốn từ ngân hàng hoặc từ các chủ nợ khác - Kết nạp thêm thành viên mới. - Huy động thêm vốn từ các thành viên (tăng vốn) - Phát hành trái phiếu	- Vay vốn từ ngân hàng hoặc từ các chủ nợ khác - Phát hành thêm cổ phần mới cho cổ đông hiện hữu và cho những người khác - Phát hành chứng khoán ra công chúng - Không bị bất kỳ hạn chế nào về quy mô, phạm vi và cách thức huy động vốn.
<i>Khả năng rút vốn</i>	Việc rút vốn khỏi hoạt động kinh doanh gắn liền với việc thu hẹp, giải thể, chấm dứt hoạt động kinh doanh của hộ.	Chủ doanh nghiệp có thể thu hẹp, giải thể hoặc bán tài sản của doanh nghiệp để thu hồi vốn và đương nhiên, việc rút vốn dẫn đến thu hẹp hoặc giải thể hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh.	- Thành viên góp vốn được tự do chuyển nhượng phần vốn góp cho người khác. - Thành viên hợp danh có thể chuyển nhượng phần vốn góp nhưng phải được sự đồng ý của Hội đồng thành viên.	- Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác.	Thành viên có thể rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ, tặng cho và hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	- Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. - Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho

Tiêu chí	Hộ kinh doanh	DN tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1TV	Công ty TNHH 2 TV trở lên	Công ty cổ phần
						người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Bảng A.4. Danh mục ngành nghề tính thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

TT	Danh mục ngành nghề	Tỷ lệ % tính thuế GTGT	Thuế suất thuế TNCN
1.	Phân phối, cung cấp hàng hóa		
	- Hoạt động bán buôn, bán lẻ các loại hàng hóa (trừ giá trị hàng hóa đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng); - Khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền cho hộ khoán;	1%	0,5%
	- Hoạt động phân phối, cung cấp hàng hóa không chịu thuế GTGT, không phải khai thuế GTGT, thuộc diện chịu thuế GTGT 0% theo pháp luật về thuế GTGT; - Hoạt động hợp tác kinh doanh với tổ chức thuộc nhóm ngành nghề này mà tổ chức có trách nhiệm khai thuế GTGT đối với toàn bộ doanh thu của hoạt động hợp tác kinh doanh theo quy định; - Khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền cho hộ khoán gắn với mua hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, không phải khai thuế GTGT, thuộc diện chịu thuế GTGT 0% theo pháp luật về thuế GTGT; - Khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác.	-	0,5%
2.	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu		
	- Dịch vụ lưu trú gồm: Hoạt động cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn cho khách du lịch, khách vắng lai khác; hoạt động cung cấp cơ sở lưu trú dài hạn không phải là căn hộ cho sinh viên, công nhân và những đối tượng tương tự; hoạt động cung cấp cơ sở lưu trú cùng dịch vụ ăn uống hoặc các phương tiện giải trí; - Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải như kinh doanh bến bãi, bán vé, trông giữ phương tiện; - Dịch vụ bưu chính, chuyển phát thư tín và bưu kiện; - Dịch vụ môi giới, đấu giá và hoa hồng đại lý; - Dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán; dịch vụ làm thủ tục hành chính thuế, hải quan; - Dịch vụ xử lý dữ liệu, cho thuê công thông tin, thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông; quảng cáo trên sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số; - Dịch vụ hỗ trợ văn phòng và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác; - Dịch vụ tắm hơi, massage, karaoke, vũ trường, bi-a, internet, game; - Dịch vụ may đo, giặt là; cắt tóc, làm đầu, gội đầu; - Dịch vụ sửa chữa khác bao gồm: sửa chữa máy vi tính và các đồ dùng gia đình;	5%	2%

TT	Danh mục ngành nghề	Tỷ lệ % tính thuế GTGT	Thuế suất thuế TNCN
	- Dịch vụ tư vấn, thiết kế, giám sát thi công xây dựng cơ bản; - Các dịch vụ khác thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất thuế GTGT 10%; - Xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu (bao gồm cả lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp);		
	- Hoạt động cung cấp dịch vụ không chịu thuế GTGT, không phải khai thuế GTGT, thuộc diện chịu thuế GTGT 0% theo pháp luật về thuế GTGT; - Hoạt động hợp tác kinh doanh với tổ chức thuộc nhóm ngành nghề này mà tổ chức có trách nhiệm khai thuế GTGT đối với toàn bộ doanh thu của hoạt động hợp tác kinh doanh theo quy định; - Khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác;	-	2%
	- Cho thuê tài sản gồm: + Cho thuê nhà, đất, cửa hàng, nhà xưởng, kho bãi trừ dịch vụ lưu trú; + Cho thuê phương tiện vận tải, máy móc thiết bị không kèm theo người điều khiển; + Cho thuê tài sản khác không kèm theo dịch vụ; - Làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp; - Khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác.	5%	5%
	- Sản xuất, gia công, chế biến sản phẩm hàng hóa; - Khai thác, chế biến khoáng sản; - Vận tải hàng hóa, vận tải hành khách; - Dịch vụ kèm theo bán hàng hóa như dịch vụ đào tạo, bảo dưỡng, chuyển giao công nghệ kèm theo bán sản phẩm; - Dịch vụ ăn uống; - Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; - Xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu (bao gồm cả lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp); - Hoạt động khác thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất thuế GTGT 10%; - Hoạt động không chịu thuế GTGT, không phải khai thuế GTGT, thuộc diện chịu thuế GTGT 0% theo pháp luật về thuế GTGT;	-	5%
3.	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu		
	- Sản xuất, gia công, chế biến sản phẩm hàng hóa; - Khai thác, chế biến khoáng sản; - Vận tải hàng hóa, vận tải hành khách; - Dịch vụ kèm theo bán hàng hóa như dịch vụ đào tạo, bảo dưỡng, chuyển giao công nghệ kèm theo bán sản phẩm; - Dịch vụ ăn uống; - Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; - Xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu (bao gồm cả lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp); - Hoạt động khác thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất thuế GTGT 10%; - Hoạt động không chịu thuế GTGT, không phải khai thuế GTGT, thuộc diện chịu thuế GTGT 0% theo pháp luật về thuế GTGT;	3%	1,5%
	- Hoạt động không chịu thuế GTGT, không phải khai thuế GTGT, thuộc diện chịu thuế GTGT 0% theo pháp luật về thuế GTGT;	-	1,5%

TT	Danh mục ngành nghề	Tỷ lệ % tính thuế GTGT	Thuế suất thuế TNCN
	- Hoạt động hợp tác kinh doanh với tổ chức thuộc nhóm ngành nghề này mà tổ chức có trách nhiệm khai thuế GTGT đối với toàn bộ doanh thu của hoạt động hợp tác kinh doanh theo quy định.		
4.	Hoạt động kinh doanh khác		
	- Hoạt động sản xuất các sản phẩm thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất thuế GTGT 5%;		
	- Hoạt động cung cấp các dịch vụ thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ với mức thuế suất thuế GTGT 5%;	2%	1%
	- Hoạt động khác chưa được liệt kê ở các nhóm 1, 2, 3 nêu trên;		

Nguồn: Thông tư số 40/2021/TT-BTC

Bảng A.5. Khác biệt về thuế giữa hộ kinh doanh và các loại hình doanh nghiệp

Tiêu chí	Hộ kinh doanh	DN tư nhân	Công ty hợp danh	Công ty TNHH 1TV	Công ty TNHH 2 TV trở lên	Công ty cổ phần
<i>Thuế môn bài hàng năm</i>	Từ 300.000 đến 1.000.000 VNĐ	Từ 1.000.000 đến 3.000.000 VNĐ	Từ 1.000.000 đến 3.000.000 VNĐ	Từ 1.000.000 đến 3.000.000 VNĐ	Từ 1.000.000 đến 3.000.000 VNĐ	Từ 1.000.000 đến 3.000.000 VNĐ
<i>Thuế thu nhập cá nhân/ DN</i>	- Không, nếu doanh thu 100 triệu đồng/ năm trở xuống.	- Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán.	- Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán.	- Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán.	- Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán.	- Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán.
	- Thuế suất thuế TNCN từ 0,5 - 5%.	- Thuế suất thuế TNDN là 20%, một số trường hợp áp dụng thuế suất từ 25% đến 50%.	- Thuế suất thuế TNDN là 20%, một số trường hợp áp dụng thuế suất từ 25% đến 50%.	- Thuế suất thuế TNDN là 20%, một số trường hợp áp dụng thuế suất từ 25% đến 50%.	- Thuế suất thuế TNDN là 20%, một số trường hợp áp dụng thuế suất từ 25% đến 50%.	- Thuế suất thuế TNDN là 20%, một số trường hợp áp dụng thuế suất từ 25% đến 50%.
<i>Thuế GTGT</i>	Không, nếu doanh thu 100 triệu đồng/ năm trở xuống	Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán	Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán	Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán	Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán	Tính theo kê khai, hạch toán, kế toán

Bảng A.6. Sự thay đổi về chính sách hỗ trợ tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn

TT	Nội dung	Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg	Quyết định số 306/QĐ-TTg	Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg
1	Đối tượng vay vốn	- Các hộ gia đình theo quy định của Bộ luật Dân sự (bao gồm cả hộ gia đình làm kinh tế trang trại) không thuộc diện hộ nghèo (sau đây gọi chung là người vay vốn) thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm. - Chủ hộ gia đình là người đại diện cho hộ gia đình chịu trách nhiệm giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quan hệ vay vốn, trả nợ, trả lãi.	Không thay đổi	Bổ sung về đối tượng vay vốn: - Người vay vốn không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. - Người vay vốn không có dự nợ tại NHCSXH đối với các chương trình: (a) Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định của pháp luật về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; (b) Chương trình cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo quy định của pháp luật về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); (c) Các chương trình tín dụng cho vay khác đối với hộ gia đình để thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật (nếu có).
2	Mức vốn vay tối đa	30 triệu đồng	50 triệu đồng	100 triệu đồng/người vay vốn
3	Điều kiện được vay vốn	- Người vay vốn phải có dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh được Ủy ban nhân dân xã nơi thực hiện dự án	Không thay đổi	Không thay đổi

TT	Nội dung	Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg	Quyết định số 306/QĐ-TTg	Quyết định số 17/2023/QĐ-TTg
		hoặc phương án sản xuất, kinh doanh xác nhận. - Người vay vốn phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. - Người vay vốn cư trú hợp pháp tại nơi thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh.		
4	Mức vốn vay có điều kiện	trên 30 triệu đồng, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng	Trên 50 triệu đồng, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng	Không quy định
5	Điều kiện được vay vốn vượt mức	ngoài điều kiện được vay vốn, cần phải: a) Có vốn tự có (bao gồm: giá trị vật tư, quyền sử dụng đất, lao động, tiền vốn) tham gia tối thiểu bằng 20% tổng nhu cầu vốn của dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh; b) Cam kết sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để làm tài sản bảo đảm tiền vay.	Không thay đổi	Người vay vốn không phải thực hiện đảm bảo tiền vay
6	Lãi suất cho vay	- Lãi suất cho vay bằng 0,9%/tháng. - Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.	Không thay đổi	- Lãi suất cho vay bằng 9%/năm - Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay
7	Thời hạn cho vay	theo các loại cho vay: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.	Không thay đổi	Không thay đổi

Nguồn: Nhóm soạn thảo tổng hợp

Bảng A.6. Những khác biệt về trợ giúp của Nhà nước đối với hộ kinh doanh và DNNVV

TT	Tiêu chí	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
1	Hỗ trợ tiếp cận tín dụng	- Hỗ trợ HKD <i>tại vùng khó khăn</i> với mức vay vốn tối đa là 100 triệu đồng/người vay, lãi suất là 9%/năm. - Hỗ trợ HKD trong <i>khu vực nông thôn</i>: + Lĩnh vực nông nghiệp: là 100 triệu đồng với các cá nhân, hộ gia đình cư trú ngoài khu vực nông thôn có sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và 200 triệu đồng với các cá nhân, hộ gia đình cư trú tại địa bàn nông thôn là 200 triệu đồng. Khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết, chuỗi giá trị, các cá nhân, hộ gia đình, tổ chức hợp tác sản xuất trong khu nông nghiệp, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được vay tối đa 70% nhu cầu vốn thực hiện dự án + Hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp theo định hướng công nghiệp hóa nông thôn, + Hỗ trợ tín dụng cho hộ gia đình và các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh có sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số. + Hỗ trợ hộ gia đình vay giảm tổn thất trong nông nghiệp, cho vay phát triển trồng rừng, phát triển chăn nuôi	- Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách hỗ trợ tổ chức tín dụng <i>tăng dư nợ cho vay</i> đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác; khuyến khích thành lập tổ chức tư vấn độc lập để xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa. - DNNVV được cơ quan, tổ chức, cá nhân hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, tăng cường năng lực quản trị, kỹ năng quản lý, minh bạch hóa tài chính của doanh nghiệp để <i>nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng</i>. - DNNVV được cấp bảo lãnh tín dụng tại <i>Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV</i> (do UBND cấp tỉnh thành lập) dựa trên tài sản bảo đảm hoặc phương án sản xuất, kinh doanh khả thi hoặc xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp
2	Về hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất kinh doanh	Không có quy định	Chính quyền địa phương <i>bù giá</i> cho nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp để <i>giảm giá cho thuê mặt bằng</i> đối với DNNVV. Số tiền bù giá được <i>trừ vào số tiền thuê đất hoặc hỗ trợ từ ngân sách địa phương</i> . ⁶¹

⁶¹ Tính đến 31/12/2023, có 17 địa phương ban hành Đề án, Chương trình, Kế hoạch cụ thể hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho DNNVV như: tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 về hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho DNNVV tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; theo đó, các DNNVV sẽ được ngân sách của tỉnh hỗ trợ 50% đơn giá; diện tích hỗ trợ tối đa là 10.000m² và số tiền hỗ trợ tối đa là 100.000.000 đồng/doanh nghiệp/năm. Tỉnh Ninh Thuận bố trí 975 ha để hình thành, phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu chế biến nông sản, thủy sản, hải sản dành riêng cho DNNVV; trong 3 năm 2018 - 2020, đã giao đất cho 128 tổ chức/156 vị

TT	Tiêu chí	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
			Hỗ trợ này không áp dụng đối với DNNVV có vốn đầu tư nước ngoài, DNNVV có vốn nhà nước
3	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực:	Không có quy định. Triển khai thực hiện theo các Chương trình/Dự án	- Được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng NSNN về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các DNNVV. - Tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo trực tuyến, chương trình đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng khác cho DNNVV;⁶² - Hỗ trợ hoạt động đào tạo trực tiếp tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.
4	Hỗ trợ mở rộng thị trường:	Không có quy định. Triển khai thực hiện theo các Chương trình/Dự án	- Doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm có ít nhất 80% số doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm sản xuất tại Việt Nam được hưởng các hỗ trợ sau đây: + Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật; + Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. - Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.⁶³
5	Hỗ trợ thông tin, tư vấn, pháp lý	Không có quy định.	Các DNNVV được hỗ trợ (i) cung cấp thông tin, bao gồm thông tin pháp luật trong nước, thông tin pháp luật nước ngoài, pháp luật quốc tế, cảnh báo rủi ro pháp lý và chính sách của ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đến DNNVV (nếu có); (ii) được bồi dưỡng kiến

trí đất/3.632 ha, góp phần tạo thuận lợi cho doanh nghiệp có mặt bằng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định cho 56 DNNVV thuê đất với diện tích 1.316,76 ha để triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh. Thành phố Hà Nội quy hoạch cụm công nghiệp có xét đến năm 2030 là 159 cụm với diện tích 3.204,31 ha; hiện đã có 70 cụm công nghiệp đi vào hoạt động với diện tích 1.328,6 ha, hỗ trợ cho 3.600 DNNVV về mặt bằng sản xuất kinh doanh. Tỉnh Thanh Hóa đã ký Hợp đồng thuê đất với 449 DNNVV với diện tích 1.124,2 ha trong 3 năm 2018 - 2020; đến nay, có 33/74 cụm công nghiệp được thành lập với diện tích đất là 1.001,9 ha.

⁶² Hệ thống đào tạo trực tuyến cho DNNVV được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng từ năm 2018 đến nay đã cung cấp hơn 100 chuyên đề đào tạo bao gồm hơn 700 clip với các nội dung về khởi nghiệp sáng tạo, marketing số, quản trị tài chính, kế toán, nhân sự, quản trị sản xuất, tư duy chiến lược...; thu hút 7.000 tài khoản học viên đăng ký học tập và khoảng gần 20.000 lượt truy cập, trải nghiệm các chuyên đề đào tạo.

⁶³ Trong giai đoạn 2016-2020, Bộ Công Thương đã hỗ trợ hơn 700 đề án cho 30.000 lượt DNNVV tham gia. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ngành công thương đã kịp thời ứng dụng các công cụ, nền tảng số trong công tác xúc tiến thương mại để hỗ trợ DNNVV mở rộng thị trường, giúp duy trì kim ngạch xuất khẩu ở mức cao

TT	Tiêu chí	Hộ kinh doanh	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
			thức pháp luật; (iii) tư vấn pháp luật, bao gồm đối thoại, giải quyết các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp và các hoạt động tư vấn khác. ⁶⁴
6	Về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi	Thực hiện Nghị quyết 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Chính phủ đã ban hành Nghị định 31/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để hỗ trợ những đối tượng này vượt qua những khó khăn của dịch bệnh COVID-19 và phục hồi hoạt động sản xuất.	Trong khuôn khổ Chương trình phục hồi kinh tế, các bộ, ngành đã nỗ lực trình Chính phủ ban hành các văn bản đề hướng dẫn triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp liên quan đến hỗ trợ lãi suất các khoản vay, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất như: + Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; + Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 21/3/2022 về gia hạn thời gian nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước; + Nghị định số 36/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 về hỗ trợ lãi suất các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội và Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động; + Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 21/5/2022 về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022.

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

⁶⁴ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV

	Hộ kinh doanh	Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và các hoạt động bán hàng rong, quà vật, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, thời vụ, dịch vụ có thu nhập thấp
Giống:	(i) không có tư cách pháp nhân, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu là vô hạn đối với các khoản nợ cũng như trách nhiệm khác phát sinh trong hoạt động kinh doanh; (ii) có thể thuê lao động làm việc cho mình nhưng phần lớn chủ sở hữu cũng chính là người lao động duy nhất; (iii) chủ sở hữu thường nộp thuế thu nhập cá nhân đối với phần lợi nhuận kiếm được từ đơn vị kinh tế.	
Khác		phần lớn chủ sở hữu cũng chính là người lao động duy nhất hoạt động nhằm sản xuất hàng hóa, dịch vụ với mục tiêu cơ bản là tạo công ăn việc làm, thu nhập cho những người thực hiện hoạt động kinh tế đó. Hay như hoạt động kinh tế hộ gia đình, tự sản tự tiêu của hộ gia đình, bao gồm các hoạt động sản xuất của hộ gia đình tạo ra sản phẩm để tự tiêu dùng và tích lũy cho chính những thành viên trong gia đình (như trồng trọt, chăn nuôi, hoạt động tạo ra sản phẩm vật chất khác phục vụ nhu cầu trong hộ gia đình), các hoạt động xây nhà để ở, tự sửa chữa nhà, tự tích lũy tài sản cố định khác, hoạt động giúp việc cho gia đình. Cần lưu ý, một số hoạt động phục vụ đời sống hàng ngày (như nấu cơm, lau nhà, giặt quần áo...) nếu được thực hiện bằng hình thức thuê người ngoài làm thì được tính là hoạt động kinh tế phi chính thức. Các hoạt động này thường ở quy mô nhỏ, tổ chức sản xuất đơn giản, chưa phân định rõ ràng giữa lao động và vốn của cơ sở kinh doanh với hộ gia đình. Mối quan hệ giữa người lao động và sử dụng lao động dựa trên nền tảng tạm thời, không dựa trên hợp đồng chính thức.